

Số: /2022/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án thăm dò, khai thác nước mặt, nước dưới đất; đánh giá tác động môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 48/TTr-UBND, ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án thăm dò, khai thác nước mặt, nước dưới đất; đánh giá tác động môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án thăm dò, khai thác nước mặt, nước dưới đất; đánh giá tác động môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1. Sửa đổi, bổ sung tên gọi Nghị quyết như sau:

“Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án thăm dò, khai thác nước mặt, nước dưới đất; thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; đánh giá tác động môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến lĩnh vực về môi trường như: thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 1 như sau:

“b) Mức thu phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt; thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung hoặc thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường: bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu. Trường hợp dự án có thay đổi tổng vốn đầu tư thì phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc thẩm định lại tính theo tổng vốn đầu tư mới.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 như sau:

“3. Miễn thu phí đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt:

a) Miễn thu phí trong các trường hợp sau:

- Khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ mục đích trong phạm vi gia đình;*
- Khai thác, sử dụng nước mưa, nước mặt trong phạm vi diện tích đất đã được giao, được thuê theo quy định của Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước và các quy định khác của pháp luật;*

- Khai thác, sử dụng tài nguyên nước không nhằm mục đích kinh doanh, phục vụ các hoạt động lâm nghiệp, giao thông thủy, nuôi trồng thủy sản, thể thao, giải trí, du lịch, y tế, an dưỡng, nghiên cứu khoa học;*

- Khai thác nước dưới đất từ các công trình thay thế có quy mô không lớn hơn và mực nước hạ thấp nhỏ hơn giới hạn cho phép đã được xác định trong giấy phép, nằm trong khu vực đã được cấp phép;

- Khai thác, sử dụng nước dưới đất với quy mô nhỏ trong phạm vi gia đình.

b) Đối tượng thuộc diện miễn thu phí quy định tại điểm a khoản này gồm: trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 1 như sau:

“b) Phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; phí thăm định báo cáo kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng nước dưới đất và phí thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: Trích 10% trên tổng số tiền thu phí cho đơn vị tổ chức thu phí, phần 90% còn lại nộp vào ngân sách nhà nước; phí thăm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường: trích 90% trên tổng số tiền thu phí cho đơn vị tổ chức thu phí, phần 10% còn lại nộp vào ngân sách nhà nước theo Chương, mã nội dung kinh tế của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Số tiền được trích để lại cho đơn vị thu phí để trang trải cho các nội dung chi theo quy định của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ.”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 1 như sau:

“c) Các nội dung khác liên quan đến chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí thăm định đề án, báo cáo phương án cải tạo phục hồi lĩnh vực tài nguyên - môi trường không đề cập tại quy định này được thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương và Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.”

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thăm định đề án thăm dò, khai thác nước mặt, nước dưới đất; đánh giá tác động môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1. Thay thế cụm từ “*Biểu phí thăm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi*” tại điểm a khoản 2 Điều 1 bằng cụm từ “*Biểu phí thăm định cấp, cấp lại, điều chỉnh cấp giấy phép môi trường*” như sau:

- *Biểu phí thăm định cấp, cấp lại, điều chỉnh cấp giấy phép môi trường:*

Đối tượng thu	Đơn vị tính	Cấp Tỉnh	Cấp huyện
<i>Cấp, cấp lại Giấy phép môi trường (trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định, không tổ chức kiểm tra thực tế).</i>	<i>đồng/giấy phép</i>	<i>9.600.000</i>	<i>-</i>
<i>Cấp, cấp lại Giấy phép môi trường (trường hợp Hội đồng thẩm định, tổ thẩm định và có tổ chức kiểm tra thực tế).</i>	<i>đồng/giấy phép</i>	<i>11.900.000</i>	<i>4.500.000</i>
<i>Cấp, cấp lại Giấy phép môi trường (trường hợp thành lập Đoàn kiểm tra, tổ chức kiểm tra thực tế).</i>	<i>đồng/giấy phép</i>	<i>15.000.000</i>	<i>3.500.000</i>
<i>Điều chỉnh Giấy phép môi trường</i>	<i>đồng/giấy phép</i>	<i>2.400.000</i>	<i>950.000</i>

2. Thay thế: cụm từ “- Biểu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết.” bằng cụm từ “- Biểu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường” tại điểm a khoản 2 Điều 1.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Khóa X, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT/TU, UBND, UBMTTQVN Tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Tỉnh;
- TT/HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo Tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Thắng

